

TRƯỜNG ĐHDL VĂN LANG MƯỜI NĂM THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

*Bùi Quang Độ, chủ tịch HĐQT trường ĐHDL Văn Lang
Ủy viên Hội đồng Quốc gia giáo dục*

Sự ra đời các trường đại học ngoài công lập là bước đầu thực hiện chính sách xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước. Trường ĐHDL Văn Lang là một trong nhiều trường đại học dân lập được thành lập sớm. Đó là một thuận lợi, nhưng cũng có những hạn chế nhất định do hành lang pháp lý hoạt động đại học dân lập chưa hoàn chỉnh. Sự mày mò khắc phục khó khăn và cả sáng tạo đều phải trả giá. Những vấn đề chủ yếu sau đây được đánh giá một cách khách quan, để từ đó định hướng đúng nhiệm vụ phát triển Trường trong những năm sắp tới.

1. Huy động nguồn lực tài chính

Trường ĐHDL Văn Lang đã huy động vốn ban đầu theo Điều lệ góp vốn dưới màu sắc của công ty cổ phần và của hợp tác xã. Vốn góp ban đầu chỉ có 3 tỷ đồng. Do quy chế tạm thời và các quy định có liên quan, vốn góp này được xem như vốn điều lệ, không phải là vốn đầu tư. Để đầu tư thì phải có số vốn hàng chục tỷ đến hàng trăm tỷ đồng. Trong xã hội, mô hình trường dân lập quá mới mẻ, những người có tâm huyết chỉ đủ tiền để góp vốn điều lệ như vậy thôi, các nhà tài chính không dám tham gia đầu tư. Vì vậy chủ trương của nhà nước về vốn lúc bấy giờ là thích hợp. Trường ĐHDL Văn Lang cũng như các trường đại học dân lập khác phải đi thuê phòng ốc, thuê giảng viên. Qua vài ba năm hoạt động, các trường dân lập bắt đầu có nguồn thu và tích lũy.

Có thể phát triển cơ sở vật chất một cách tiên tiến. Trường đã mua được tòa nhà 45 Nguyễn Khắc Nhu trị giá 14 tỷ đồng. Trường vẫn chưa đủ phòng ốc cho khối các khoa kinh tế và THCN. HĐQT chủ trương tiếp tục huy động vốn đầu tư xây dựng Trường bằng cách vận dụng những chủ trương chính sách hiện có. Một loạt các biện pháp tài chính được thực hiện như bổ sung cơ cấu vốn trên nền tảng của Quy chế tạm thời đại học dân lập, Nghị định 73 và Thông tư 44. Mục đích của chủ trương bổ sung và cơ cấu vốn lúc đó là chuẩn bị nền tảng tài chính để huy động vốn tiếp theo với quy mô hàng chục tỷ đồng. Các nghị quyết của HĐQT chưa thực hiện thì Quy chế trường đại học dân lập ra đời. Chấp hành chỉ thị của Bộ, Trường ngừng lại các hoạt động huy động vốn bằng vốn góp. Trường chuyển sang hình thức huy động vốn vay.

Vốn vay lớn nhất và có ý nghĩa nhất là vốn vay kích cầu của Thành phố. Với số huy động và tích lũy được, Trường xây dựng tạm đủ phòng học cho 8 ngàn sinh viên. Trường vẫn thiếu cơ sở vật chất để phát triển các công trình phục vụ đào tạo như phòng thí nghiệm, trạm trại, thư viện, sân chơi... Trường tiếp tục vay trong cán bộ nhân viên nhiều tỷ đồng để đầu tư cơ sở thứ 3 tại Gò Vấp. Yêu cầu vốn đầu tư vào cơ sở 3 này dự tính từ 50 đến 100 tỷ đồng.

Tóm lại Trường đã có một cơ sở vật chất tối thiểu cho đào tạo. Hình thức huy động vốn đúng nghĩa chỉ diễn ra trong thời gian đầu. Hình thức huy động vốn của Trường là nghèo nàn chưa đúng nghĩa khai thác nguồn lực trong dân cư thông qua các định chế tài chính. Đặc thù huy động vốn của Trường là tính đại chúng, có tác dụng nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng, đồng thời cũng phù hợp với cách thức hoạt động của thị trường vốn hiện đại. Hiện nay Trường đang đứng trước khó khăn về cơ chế huy động vốn cho dự án phát triển cơ sở 3 ở Gò Vấp nhằm mục đích tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và nâng cao chất lượng đào tạo. Giải quyết mâu thuẫn giữa chất lượng và đầu tư trước hết phải bằng cơ chế nhà nước.

2. Huy động nguồn lực con người

Trong quá trình thành lập Trường, nguồn lực con người có vai trò quan trọng. Trường tập hợp được nhiều nhà giáo dục, quản lý kinh tế - xã hội có tâm huyết.

Nếu nói xã hội hóa nhằm khai thác nguồn lực con người thì đây là một lợi thế của các trường đại học dân lập. Trong xã hội có đội ngũ các nhà giáo, các nhà khoa học đã về hưu nhưng còn khả năng lao động giáo dục và quản lý giáo dục tốt. Có một nguồn chất xám khác đang tồn tại và hoạt động trong các tổ chức nhà nước, trong các

doanh nghiệp và đặc biệt trong các trường đại học, các viện nghiên cứu khoa học, công nghệ. Họ có thể di chuyển về các trường đại học dân lập dưới hình thức cán bộ cơ hữu, kiêm nhiệm và làm việc theo các hợp đồng cộng tác quản lý hoặc thỉnh giảng. Đó là cách huy động nguồn lực con người của các trường đại học dân lập, trong đó có Văn Lang. Hiện nay còn nhiều vấn đề tranh cãi về huy động nguồn lực này. Về các quy định về đại học dân lập, nhà nước muốn phân biệt tách bạch giữa công lập và dân lập, muốn dân lập có một đội ngũ hoàn chỉnh như công lập (hiểu ngầm rằng đội ngũ trí thức công lập là của nhà nước, dân lập không được đụng vào, không được khai thác). Tư duy về khai thác nguồn lực chất xám không đạt được như trong khai thác nguồn lực tài chính. Các thành phần kinh tế đều có thể khai tác nguồn lực tài chính của toàn bộ nền kinh tế và trong dân cư.

Không thể nào có được một đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học trình độ cao chỉ do Trường đào tạo. Nguồn lực này do xã hội cung cấp phần lớn. Thu hút giảng viên thỉnh giảng không khó, nhưng giảng viên tham gia xây dựng bộ môn, xây dựng chương trình, quản lý giáo dục, nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ là vấn đề khó nhất. Vì vậy các trường dân lập cần có biện pháp xây dựng đội ngũ này bằng cơ chế khoa học, cơ chế kinh tế, cơ chế xã hội. Đó là cái riêng của dân lập, trong đó có Văn Lang. Chúng tôi rất coi trọng bộ khung nòng cốt này, và tìm những giải pháp cho việc hình thành lực lượng quan trọng này.

3. Chất lượng đào tạo và nhu cầu xã hội

Do nhu cầu xã hội, nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng của mỗi trường đại học dân lập mà xác định ngành nghề, mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo. Đó là thị phần hay nói vắn vỏi hơn là phân tầng đào tạo. Quy chế không cho phép, vì vậy các trường phải cố gắng để đạt một cái chuẩn chung.

4. Hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học – công nghệ

Các sản phẩm khoa học – công nghệ phải là các sản phẩm hàng hóa được xã hội thừa nhận một cách sòng phẳng, mua bằng tiền và dùng nó xứng với đồng tiền bỏ ra. Một trường dân lập bất kỳ đều có thể làm được điều đó. Trường ĐHDL Văn Lang có thực hiện nhiều đề tài, những đề tài còn rất nhỏ, chưa vượt qua giá trị 500 triệu đồng/đề tài. Muốn có sản phẩm quy mô lớn và chất lượng cao thì phải có đầu tư, có chính sách đồng bộ.

VÀI Ý KIẾN VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Sự hội nhập kinh tế vào khu vực và thế giới là tất yếu. Sẽ có nhiều biến đổi bắt đầu từ năm 2006. Lộ trình hội nhập kinh tế kéo theo hội nhập về giáo dục trước hết là chương trình mục tiêu đào tạo, tiếp đến là chuẩn hóa bằng cấp, ngành nghề, sau đó là lưu thông sản phẩm đào tạo ở phạm vi quốc tế. Hội nhập kinh tế đồng thời phải hội nhập về nguồn nhân lực. Tính đa dạng của kinh tế đòi hỏi sự đa dạng trong sản phẩm đào tạo. Tức là có sự phân tầng đào tạo

một cách khách quan ở phạm vi quốc gia và quốc tế diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Sẽ có nhiều trường không trụ được, nhiều trường tồn tại khó khăn, và có không nhiều trường tồn tại vững chắc. Nước ta sẽ có lợi thế so sánh về kinh tế dịch vụ đào tạo vì thế sẽ có giải pháp nâng cao chất lượng, có chính sách phát triển quốc gia về đào tạo. Sẽ có sự cạnh tranh tích cực có tính quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao ở Việt Nam. Dự báo sẽ xảy ra cuối thập niên này. Tính linh hoạt của thị trường, độ đa dạng cao của nguồn nhân lực đòi hỏi dịch vụ đào tạo phải có sự thích ứng cao. Đào tạo là một yếu tố quan trọng để hội nhập về kinh tế, khoa học, công nghệ, xã hội nhân văn. Dự báo này là tiền đề để Trường ĐHDL Văn Lang chuẩn bị bước phát triển 10 năm tiếp theo.

Định hướng nhiệm vụ

1) Các ngành đào tạo

a. Khối ngành kinh tế gồm có tài chính, kế toán, quản trị kinh doanh, thương mại, du lịch sẽ gặp nhiều cạnh tranh gay gắt hơn do mở rộng tự chủ ở các trường công lập, nhiều trường tư thục, trường quốc tế ra đời. Lợi thế trước hết sẽ thuộc về các trường công lập được trao quyền tự chủ cao, chỉ tiêu tuyển sinh nới rộng, học phí thấp, cơ sở vật chất tốt, đội ngũ cán bộ khoa học đồng đảo và ổn định. Kế đến là các trường chuyên ngành giao cho ngành chủ quản quản lý, chuyên môn sâu, được nhiều ưu đãi về tài chính, có quan hệ tốt

với các cơ sở thực tập và ứng dụng. Và sau nữa là các trường tư thục mới thành lập, có yếu tố cạnh tranh cao về chương trình hiện đại, liên kết đào tạo với nước ngoài, công nghệ đào tạo tiên tiến, đào tạo trên mạng. Cuối cùng là các trường quốc tế đào tạo chất lượng cao có học phí tương đối thấp, ngoại ngữ tốt, nghiệp vụ tinh thông, chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức nước ngoài.

Các ngành đào tạo thuộc khối kinh tế vẫn còn giữ lợi thế chi phí đào tạo thấp, nhu cầu bằng cấp trong xã hội còn rất cao, dễ học dễ sử dụng. Từ đó trường nào cũng tranh thủ đào tạo. Trong tình hình đó, Trường ĐHDL Văn Lang muốn tồn tại và phát triển phải tính đến phát triển theo các hướng sau:

- Chuyên sâu đào tạo các ngành hẹp, chất lượng cao, như quản trị các doanh nghiệp công nghệ cao, quản trị các ngành dịch vụ đặc biệt, dịch vụ thương mại, tài chính trình độ cao.

- Phải có yếu tố hợp tác với nước ngoài theo hướng khai thác nguồn lực tài chính, con người, chương trình, công nghệ, kỹ thuật dạy học, trao đổi đào tạo, chứng chỉ văn bằng và thị phần.

- Tăng cường gắn bó với thực tiễn thông qua thực tập, nghiên cứu khoa học và hợp tác kinh doanh.

- Thay đổi cách dạy và học để có khả năng sáng tạo, có kiến thức tổng hợp và có kỹ năng nghề nghiệp cao. Biết phối hợp cộng đồng và độc lập trách nhiệm. Hướng đào tạo

theo chuẩn quốc tế.

- Trình độ ngoại ngữ cao làm việc được với nước ngoài, công nghệ thông tin đủ để khai thác thông tin, cung cấp thông tin và quản trị doanh nghiệp.

b. Khối ngành công nghệ, gồm công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, công nghệ nhiệt

Hiện nay các ngành đào tạo công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, và công nghệ thông tin có điều kiện tồn tại và phát triển cho dù các trường công lập khoa học tự nhiên đang phát triển với đội ngũ và trang thiết bị mạnh.

- Các yếu tố đầu tư nước ngoài được coi trọng để hợp tác, khai thác về mặt vốn và thiết bị, nhưng quyết định hơn cả là phát huy thế mạnh con người với môi trường Việt Nam. Các dự án hợp tác nghiên cứu - cứu trợ là một giải pháp, tiếp nữa là hợp tác kinh doanh - đào tạo. Đó là lợi thế trong cuộc cạnh tranh đào tạo với nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam. Ứng dụng công nghệ gắn với đào tạo là giải pháp về vốn và phát huy lợi thế nói trên.

- Các ngành công nghệ trên đều cần phải mở rộng các chuyên ngành hẹp đào tạo dài hạn, và coi trọng đào tạo ngắn hạn, đào tạo cho các doanh nghiệp, các tổ chức ứng dụng khoa học – công nghệ.

- Hình thức công ty – đào tạo là giải pháp tốt nhất, chủ động nhất để thu hút cán bộ khoa học – công nghệ cao đang làm việc ở các tổ chức trong và ngoài nước. Từ đó có lợi thế cạnh tranh trong đào tạo. Sinh viên là đối tượng đào tạo, đồng thời là lực lượng trực tiếp giải quyết các nhiệm vụ

của đề tài ứng dụng. Họ là lực lượng lao động có trình độ cao cho các đề tài. Đây cũng là giải pháp khả thi và có hiệu quả để đầu tư phòng thí nghiệm, trạm trại một cách đồng bộ, với công nghệ và thiết bị hiện đại.

c. Khối ngành xây dựng và kiến trúc

Đào tạo ngành xây dựng sẽ phải cạnh tranh với các trường chuyên ngành thuộc ngành xây dựng và của nước ngoài. Để tồn tại cần phải có liên kết đào tạo ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao vật liệu hiện đại. Cần mở rộng nhiều chuyên ngành dịch vụ và tư vấn xây dựng. Ngành kiến trúc có lợi thế hơn, kể cả với nước ngoài do bản sắc dân tộc trong kiến trúc được đề cao.

Các ngành đào tạo này yêu cầu có những giải pháp chung với các ngành đào tạo công nghệ khác trong trường.

d. Khối ngành xã hội nhân văn, ngoại ngữ

Đào tạo ngoại ngữ sẽ là thách thức lớn khi hội nhập. Kết hợp với Trung tâm Ngoại ngữ. Cần có các hình thức đào tạo chuyên sâu có hợp tác với nước ngoài. Cần mở rộng thêm ngoại ngữ khác của khu vực.

Đào tạo các ngành khoa học xã hội nhân văn rất cần thiết để đảm bảo sự tồn tại vững chắc khi hội nhập vì không ai có thể thay chúng ta đào tạo cho nhu cầu nhân lực trong nước và cả ngoài nước. Ngành nào có điều kiện thì mở trước. Hướng dẫn du lịch thuộc loại hình đào tạo này.

2) Các giải pháp đảm bảo chất lượng đào tạo

- Xây dựng chương trình đào tạo các ngành học với cơ cấu môn học theo hướng chuẩn hoá quốc tế. Chú ý cơ cấu các môn học cơ bản, cơ sở và chuyên sâu hợp lý nhằm mục tiêu tăng kỹ năng, năng lực sáng tạo và bám sát thực tiễn cho sinh viên. Chú ý kỹ năng tin học và ngoại ngữ.

- Đảm bảo các điều kiện để sinh viên tự học tốt nhất bằng cải cách giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin ở trình độ cao.

- Ứng dụng các biện pháp quản lý tiên tiến về dạy và học hướng đến đào tạo trên mạng.

- Tăng năng lực quản lý của khoa để tiến đến phân cấp mạnh về đào tạo, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, huy động nguồn lực, đào tạo ngắn hạn, lập công ty.

- Tăng cơ sở vật chất về đào tạo và nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ có tính mũi nhọn của Trường với quy mô lớn. Chủ yếu nhằm vào các ngành công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường. Phải hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước. Khi đó các khoa đào tạo này có đủ điều kiện để phân cấp quản lý toàn diện.

- Xây dựng các cơ sở 1,2,3 không phải là vấn đề nan giải về tài chính nếu biết hợp tác và cải cách tổ chức - quản lý. Quy mô đầu tư phải tương ứng với quy mô đào tạo. Chú ý khả năng chuyển đổi công năng và hợp tác đầu tư khai thác các cơ sở vật chất khi cơ sở vật chất không phù hợp hoặc

không có hiệu quả.

• Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và giảng dạy có cơ cấu thích hợp. Phải thay đổi công tác quản lý nguồn nhân lực hiện nay để thu hút cán bộ có uy tín cao.

Định hướng phát triển của Trường trong 10 năm tới

1. Thích ứng cao có tính chất sống còn và phát triển với các biến động lớn sẽ xảy ra trong hệ thống đào tạo. Xác định đúng thị phần của sản phẩm đào tạo chất lượng phù hợp với năng lực tối đa của Trường.

2. Tiềm năng của Trường còn yếu, cho nên nhất thiết phải huy động các nguồn lực bên ngoài. Cái mạnh của Trường là biết khai thác trí tuệ, tâm huyết và kinh nghiệm để huy động nguồn lực như đã từng làm khi chúng ta khai sinh Trường 10 năm trước đây.

3. Nguồn lực đó là vốn hợp tác, chất xám hợp tác, kinh nghiệm và tri thức trong nước và ngoài nước.

4. Giải pháp là phải tổ chức một bộ máy, một đội ngũ có đủ năng lực biết huy động nguồn lực. Cần có chế độ phân cấp một cách khoa học và có điều kiện để trong vòng 10 năm đến có thể hình thành một tổ hợp đào tạo - ứng dụng khoa học, công nghệ - sản xuất trình độ cao, quy mô lớn, đủ sức tồn tại vượt qua mọi thử thách để phát triển.

Có một gương soi khách quan để thấy hình hài của mình, để biết xã hội nhìn nhận ra sao mà cân chỉnh và phấn đấu vươn lên, đó là các hình thức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Trường ĐHDL Văn Lang đang nhập cuộc./.

Bùi Quang Độ
Chủ tịch HĐQT trường ĐHDL Văn Lang
Ủy viên Hội đồng QGGD